

Số: /PGDDĐT
V/v hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 và
lớp 10 năm học 2021-2022

Cần Giuộc, ngày 13 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường phổ thông trực thuộc.

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 14/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT); Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ GD&ĐT về việc Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, Khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT, ngày 14/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi chung là Quy chế tuyển sinh);

Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT chuyên Long An năm học 2021-2022; Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2018 của Sở GD&ĐT Long An về việc Ban hành Quy định tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (Quy định tuyển sinh);

Thực hiện Phương án số 707/PA-SGDĐT ngày 24/3/2021 của Sở GD&ĐT về việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2021-2022 (Phương án tuyển sinh);

Thực hiện Hướng dẫn 874/SGDDĐT-KTQLCL ngày 08/4/2021 về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6, lớp 10 năm học 2021-2022.

Phòng GD&ĐT hướng dẫn công tác tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6, lớp 10 năm học 2021-2022 như sau:

1. Nguyên tắc chung

Thực hiện theo Phương án tuyển sinh của Sở GD&ĐT về việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2021-2022.

2. Xét tuyển vào lớp 1

Thực hiện theo Phương án tuyển sinh của Sở GD&ĐT về việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2021-2022.

3. Xét tuyển vào lớp 6

- Phòng GD&ĐT lập kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh từng trường trình UBND huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) theo quy định tại Quyết định số 246/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2018 của Sở GD&ĐT Long An về việc Ban hành Quy định tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

- Số lượng ủy viên, bảo vệ, phục vụ của Hội đồng tuyển sinh do trường phòng GD&ĐT quyết định.

- Số ngày làm việc được quy định như sau: hội đồng có dưới 100 học sinh số ngày làm việc là 3 ngày, có từ 100 đến dưới 200 học sinh số ngày làm việc là 4 ngày, có từ 200 đến dưới 300 học sinh số ngày làm việc là 5 ngày, có từ 300 học sinh trở lên số ngày làm việc là 6 ngày.

4. Thi tuyển vào lớp 10

Kế hoạch thời gian tuyển sinh vào lớp 10 *theo Phụ lục I đính kèm.*

4.1. Quy định chung

- Tuyển sinh vào lớp 10 hệ công lập thực hiện phương thức **thi tuyển** theo địa bàn nơi có đặt trường THPT, THCS&THPT.

- Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường công lập và trường THPT chuyên Long An được tổ chức vào các ngày **08, 09/6/2021**; các trường tổ chức thi tuyển, cụm thi tuyển, nguyện vọng và phân công cụm trường *theo Phụ lục II đính kèm.*

- Tất cả các trường THPT, THCS&THPT công lập (gọi chung là trường THPT) trong tỉnh tuyển sinh vào lớp 10 lần lượt hệ THPT, hệ GDTX (Sở GD&ĐT sẽ ban hành quyết định giao chỉ tiêu cụ thể cho từng trường). Thí sinh không trúng tuyển vào lớp 10 hệ THPT, hệ GDTX tại các trường công lập có thể đăng ký học tại các trường tư thục, trung tâm GDTX&KTTH hoặc học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Sau khi học sinh trúng tuyển vào lớp 10, hiệu trưởng các trường công lập, tư thục thực hiện công tác tư vấn cho học sinh và phụ huynh học sinh về kế hoạch phân ban của trường để xếp lớp sao cho phù hợp nguyện vọng, năng lực của học sinh và kế hoạch phân ban của trường.

- Văn bản hướng dẫn này áp dụng chung cho kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường công lập và trường THPT chuyên Long An (*thi tuyển lớp 10 trường THPT chuyên Long An vào các ngày 08, 09/6/2021, thời gian thực hiện theo Kế hoạch số 428/KH-SGDĐT ngày 25/02/2021 của Sở GD&ĐT về tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT chuyên Long An năm 2021-2022 đã được UBND tỉnh phê duyệt*).

- Đối với các trường có tuyển sinh lớp chất lượng cao: THPT Lê Quý Đôn – thành phố Tân An, THPT Hậu Nghĩa – huyện Đức Hoà, THPT Thiên Hộ Dương – thị xã Kiến Tường, THPT Cần Đước – huyện Cần Đước (gọi chung là các trường chất lượng cao) có kế hoạch tuyển sinh riêng, trong đó học sinh muốn học lớp chất lượng cao phải nộp thêm 01 bộ hồ sơ (*bản chính tại các trường chất lượng cao; bản sao tại trường đăng ký nguyện vọng 1*) và dự thi tuyển sinh vào lớp 10 tại các trường chất lượng cao này.

4.2. Đối tượng và hồ sơ dự tuyển vào lớp 10

- Đối tượng dự tuyển: được quy định trong Quy chế tuyển sinh và Quy định tuyển sinh của Sở GD&ĐT.

- Hồ sơ dự tuyển được quy định tại Điều 6 Quy chế tuyển sinh, cụ thể:

+ Bản sao giấy khai sinh.

+ Bằng TN THCS, riêng học sinh lớp 9 năm dự tuyển sẽ bổ sung giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do hiệu trưởng trường phổ thông cấp khi đăng ký nhập học.

+ Học bạ cấp THCS bản chính.

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ Đơn xin dự tuyển theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

+ 01 ảnh 3^{cm}x4^{cm} dùng để dán vào đơn xin dự thi (*Phụ lục IX*).

* Lưu ý:

+ Đối với tuyển sinh lớp 10 công lập, học sinh không có hộ khẩu tại tỉnh Long An phải có giấy tạm trú trên địa bàn tỉnh Long An với thời gian ít nhất là 1 năm tính đến thời điểm tuyển sinh.

+ Học sinh vừa thi tuyển vào lớp 10 trường THPT chuyên Long An vừa thi tuyển vào lớp 10 trường THPT công lập **phải tham gia kỳ thi tại trường THPT chuyên Long An** vào các ngày **08, 09/6/2021** và phải lập hai bộ hồ sơ theo quy định; hồ sơ dự tuyển lớp 10 trường THPT chuyên Long An bản chính và hồ sơ dự tuyển trường THPT công lập bản sao. Sau khi có kết quả tuyển sinh:

+ Nếu thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 trường THPT chuyên Long An thì phải theo học tại trường THPT chuyên Long An.

+ Nếu thí sinh không trúng tuyển vào lớp 10 trường THPT chuyên Long An hoặc các trường chất lượng cao thì được xét điểm tuyển sinh vào lớp 10 công lập: **Lấy điểm 03 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh không chuyên (môn chung) để xét tuyển sinh vào trường công lập đã đăng ký.**

+ Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT công lập hoặc các trường THPT năng khiếu, THPT chuyên các tỉnh khác không được tính cho kỳ thi tuyển sinh lớp 10 công lập tại tỉnh Long An.

+ Những học sinh thuộc vùng ven của cả 2 huyện thì chỉ được nộp đơn thi tuyển tại một huyện và chọn nguyện vọng theo các trường trong huyện ấy *theo Phụ lục II*.

+ Các giấy tờ chứng minh diện chính sách ưu tiên nêu tại **Điều 4 của Quy định tuyển sinh** được xem là hợp lệ: đối tượng 1, 2 do Sở, Phòng LĐ-TB&XH cấp. Đối tượng 3 “*Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số*” và “*Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*”: do UBND xã nơi đang cư trú và học tập xác nhận. Đối tượng 3 “*người dân tộc thiểu số*”: căn cứ trong giấy khai sinh, phân dân tộc.

+ Các trường hợp tuyển thẳng phải có đủ hồ sơ minh chứng và báo cáo về Sở GD&ĐT (Phòng KT&QLCLGD) trước khi thi 10 ngày.

4.3. Công tác tuyên truyền về tuyển sinh

- Lãnh đạo các trường THCS có thí sinh thi tuyển sinh 10, tập huấn trực tiếp cho giáo viên chủ nhiệm lớp 9 để hướng dẫn cụ thể cho học sinh và phụ huynh học sinh của lớp mình phụ trách đăng ký đúng nguyện vọng, đảm bảo thí sinh ghi chính xác nguyện vọng của mình trong đơn (tránh khiếu nại về sau).

- Nhà trường phải sinh hoạt thật kỹ và thông báo để học sinh biết:

+ Không được thay đổi nguyện vọng sau khi trúng tuyển.

+ Học sinh phải theo học tại một trường mình lựa chọn theo nguyện vọng 2 hoặc nguyện vọng 3 trong suốt cấp trung học phổ thông (việc xin chuyển trường đối với các trường hợp này phải có ý kiến của Sở GD&ĐT).

5. Tổ chức thi tuyển vào lớp 10 công lập

5.1. Đăng ký tuyển sinh

Mỗi thí sinh có *số nguyện vọng vào trường THPT công lập theo quy định tại Phụ lục II*, chỉ nộp đơn dự tuyển sinh lớp 10 vào 01 trường công lập theo nguyện vọng 1.

5.2. Môn thi, hình thức thi, chương trình thi

- Môn thi: Toán, Ngữ văn và môn Tiếng Anh.

- Đối với môn Toán và Ngữ văn thời gian làm bài là 120 phút/môn, môn tiếng Anh thời gian làm bài là 60 phút.

- Đề thi các môn thi tuyển theo hình thức tự luận (*cấu trúc theo Phụ lục VIII*).

- Chương trình thi: là chương trình toàn cấp THCS, chủ yếu là chương trình lớp 9 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5.3. Điểm tuyển sinh

- **Điểm bài thi theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25**; môn Toán và Ngữ văn hệ số 2, môn Tiếng Anh hệ số 1.

- **Điểm cộng thêm cho chế độ ưu tiên (Điểm ưu tiên):** thực hiện theo quy định tuyển sinh của Sở GD&ĐT.

- **Điểm tuyển sinh:** bằng tổng điểm các bài thi có hệ số (trong đó không có bài thi nào điểm 0) và điểm ưu tiên.

- **Cách tuyển sinh:** ở cùng một trường, điểm nguyện vọng 2 cao hơn điểm nguyện vọng 1 là 2 điểm; điểm nguyện vọng 3 cao hơn điểm nguyện vọng 2 là 1 điểm (cao hơn điểm nguyện vọng 1 là 3 điểm). Các trường trong một cụm thực hiện tính điểm chuẩn tuyển sinh theo từng nguyện vọng của từng trường như sau:

+ Tính điểm chuẩn hệ THPT

- Bước 1: căn cứ vào nguyện vọng 1, căn cứ vào điểm tuyển sinh từ cao đến thấp và **chỉ tiêu tuyển sinh hệ THPT** của từng trường (**không tính chỉ tiêu của giáo dục thường xuyên trong nhà trường**), xác định các điểm tuyển nguyện vọng 1 của từng trường theo thứ tự trường cao thứ nhất, cao thứ hai, cao thứ ba.

- Bước 2: Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ nhất trong cụm lấy điểm này làm điểm chuẩn tuyển sinh hệ THPT của trường mình.

- Bước 3: Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 2 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 hệ THPT của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm.

- Bước 4: Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 3 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 của hệ THPT của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm và thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 3 là 3 điểm.

+ Tính điểm chuẩn hệ GDTX

- Bước 1: căn cứ vào nguyện vọng 1, căn cứ vào điểm tuyển sinh từ cao đến thấp và **chỉ tiêu tuyển sinh hệ giáo dục thường xuyên** của từng trường, xác định các điểm tuyển nguyện vọng 1 của từng trường theo thứ tự trường cao thứ nhất, cao thứ hai, cao thứ ba.

- Bước 2: Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ nhất trong cụm lấy điểm này làm điểm chuẩn tuyển sinh hệ GDTX của trường mình.

- Bước 3: Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 2 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 hệ GDTX của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm.

- Bước 4: Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 3 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 của hệ GDTX của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm và thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 3 là 3 điểm.

+ Danh sách thí sinh còn lại chuyển cho trung tâm GDTX&KTTH, trường tư thực, trường nghề trên địa bàn để thực hiện công tác tuyển sinh.

5.4. Ngày thi, lịch thi

- Ngày thi: **08, 09/6/2021.**

- Lịch thi và thời gian làm bài:

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi	Giờ bắt đầu làm bài
08/6/2021	SÁNG	Ngữ văn	120 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
	CHIỀU	Tiếng Anh	60 phút	13 giờ 55	14 giờ 00
09/6/2021	SÁNG	Toán	120 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
	CHIỀU	Các môn chuyên			

Chú ý: Thí sinh thi tuyển sinh lớp 10 vào trường THPT chuyên Long An, buổi chiều ngày 09/6/2021 tiếp tục thi môn chuyên theo Kế hoạch số 428/KH-SGDĐT ngày 25/02/2021 của Sở GD&ĐT về tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT chuyên Long An năm 2021-2022.

5.5. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT tư thực

Thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ của Sở GD&ĐT, cách xét tuyển theo đúng quy định.

Phòng GD&ĐT yêu cầu các trường phổ thông trực thuộc thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (b/c);
- TP, các PTP;
- UBND các xã, thị trấn (để phối hợp chỉ đạo);
- Các chuyên viên;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Võ Trường Tam

Phụ lục I

KẾ HOẠCH THỜI GIAN TUYỂN SINH 10 THPT NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Công văn số: 874 /SGDDT-KTQLCL ngày 08 tháng 4 năm 2021)

Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện
4/2021	Sở GD&ĐT tổ chức Hội nghị tuyển sinh 10 (có Giấy mời sau).	Sở GD&ĐT
Trước ngày 08/5/2021	Hiệu trưởng trường có cấp THPT thu đơn, lập danh sách, hồ sơ đăng ký dự thi tuyển 10 công lập chuyển về từng trường THPT và báo cáo số liệu cho phòng GD&ĐT (đơn dự tuyển sinh 10 và danh sách chuyển trước cho trường THPT để nhập dữ liệu).	Hiệu trưởng trường có cấp THCS, phòng GD&ĐT
Trước 21/5/2021	Các trường lập phương án tuyển sinh vào lớp 10	Các trường PT trực thuộc
25/5/2021	Các Hội đồng thi hoàn tất các quyết định coi thi, chấm thi ...	Các Hội đồng thi
27/5/2021	Họp Chủ tịch, Phó CT Hội đồng thi, Trưởng điểm, Phó trưởng điểm thi tại Sở GD&ĐT (có Giấy mời sau).	Sở GD&ĐT
01-02/6/2021	Các trường có học sinh dự thi tuyển sinh vào lớp 10 đến trường THPT liên quan để nhận phiếu dự thi về phát cho học sinh.	trường có cấp THCS và có cấp THPT
06/6/2021	Họp lãnh đạo hội đồng thi.	Các Hội đồng thi
07/6/2021	Họp toàn thể hội đồng coi thi, Sở GD&ĐT giao đề thi cho từng điểm thi.	Sở GD&ĐT, Các Hội đồng thi
08-09/6/2021	Tổ chức thi theo lịch thi của Sở	Các Hội đồng thi
08 giờ 10/6/2021	Họp triển khai hướng dẫn chấm tại THPT Lê Quý Đôn.	Sở GD&ĐT
11/6 – 16/6/2021	Các Ban chấm thi tuyển vào lớp 10 làm việc.	Ban chấm thi
17/6/2021	Công bố kết quả thi tuyển sinh 10.	Sở GD&ĐT
17-22/6/2021	Nhận đơn phúc khảo	Sở GD&ĐT
23-24/6/2021	Ban chấm phúc khảo làm việc.	Sở GD&ĐT
7/2021	Sở duyệt danh sách trúng tuyển tất cả các đơn vị.	Sở GD&ĐT

Phụ lục II

DANH SÁCH CỤM TRƯỜNG TRONG KỲ THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Công văn số: 874 /SGDDĐT-KTQLCL ngày 08 tháng 4 năm 2021)

Stt	Tên trường	Cụm trường	Số nguyện vọng	Cụm trường
1.	THPT Tân Hưng	Tân Hưng	2	THPT Tân Hưng
2.	THCS&THPT Hưng Điền B			
3.	THPT Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	2	THPT Vĩnh Hưng
4.	THCS&THPT Khánh Hưng			
5.	THPT Kiến Tường	Kiến Tường	2	THPT Kiến Tường
6.	THPT Thiên Hộ Dương			
7.	THCS&THPT Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa	1	THCS&THPT Bình Phong Thạnh
8.	THPT Tân Thạnh	Tân Thạnh	2	THPT Tân Thạnh
9.	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông			
10.	THPT Thạnh Hóa	Thạnh Hóa	1	THPT Thạnh Hóa
11.	THPT Tân An	Tân An	3	THPT Tân An
12.	THPT Lê Quý Đôn			
13.	THPT Hùng Vương			
14.	THPT Nguyễn Thông	Châu Thành	2	THPT Nguyễn Thông
15.	THPT Phan Văn Đạt			
16.	THPT Tân Trụ	Tân Trụ	2	THPT Tân Trụ
17.	THPT Nguyễn Trung Trực			
18.	THPT Thủ Thừa	Thủ Thừa	2	THPT Thủ Thừa
19.	THPT Mỹ Lạc			
20.	THPT Gò Đen	Bến Lức	3	THPT Nguyễn Hữu Thọ
21.	THCS&THPT Lương Hòa			
22.	THPT Nguyễn Hữu Thọ			
23.	THPT Đức Hòa	Đức Hòa	3	THPT Hậu Nghĩa
24.	THPT Võ Văn Tần			
25.	THPT Hậu Nghĩa			
26.	THPT An Ninh	Đức Huệ	3	THPT Đức Huệ
27.	THPT Đức Huệ			
28.	THCS&THPT Mỹ Quý			
29.	THCS&THPT Mỹ Bình	Cần Giuộc	3	THPT Cần Giuộc
30.	THPT Cần Giuộc			
31.	THPT Nguyễn Đình Chiểu			
32.	THPT Đông Thạnh			
33.	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	Cần Đước	3	THPT Cần Đước
34.	THPT Rạch Kiến			
35.	THCS&THPT Long Cang			
36.	THPT Cần Đước			
37.	THPT Chu Văn An			
38.	THPT Long Hựu Đông			

Phụ lục VI

(Kèm theo Công văn số: 874 /SGDDĐT-KTQLCL ngày 08 tháng 4 năm 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÚC KHẢO
BÀI THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2021-2022

Kính gửi: Hội đồng thi tuyển sinh 10 huyện/TX/TP

Họ và tên thí sinh:, Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh:

Học sinh trường:

Đã dự thi tuyển sinh 10 năm học 2021-2022 tại Hội đồng thi

Địa điểm thi: Trường Số báo danh:

Xin phúc khảo về:

1. Điểm thi:

Môn đề nghị phúc khảo		
Ngữ Văn <input type="checkbox"/>	Toán <input type="checkbox"/>	Tiếng Anh <input type="checkbox"/>
Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi

(Ghi chú: Thí sinh phải đánh dấu X vào ô vuông môn xin chấm phúc khảo.)

2.Nội dung khác:

.....

....., ngày tháng năm 2021

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ Họ và tên)

Ghi chú: Thí sinh phúc khảo bài thi nộp đơn phúc khảo cho trường phổ thông mà học sinh đăng ký dự thi nguyện vọng 1, hạn chót là ngày 22/6/2021

Phụ lục VIII

(Kèm theo Công văn số: 874 /SGDDĐT-KTQLCL ngày 08 tháng 4 năm 2021)

CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10

NĂM HỌC: 2021 – 2022

1. Môn Toán: Gồm 6 câu theo thang điểm 10. Thời gian 120 phút.

Câu 1: Căn thức bậc hai (1,5 điểm)

- Tính, rút gọn biểu thức số có chứa căn bậc hai số học.
- Rút gọn, chứng minh đẳng thức có chứa căn thức bậc hai.

Câu 2: Hệ phương trình, phương trình (1,5 điểm)

- Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, phương trình bậc hai một ẩn.
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình.
- Hệ thức Vi-et.
- Dạng toán về phương trình bậc hai có chứa tham số.

Câu 3: Hàm số và đồ thị (2,0 điểm)

- Vẽ đồ thị hàm số $y=ax+b$ ($a \neq 0$), $y=ax^2$ ($a \neq 0$)
- Tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị
- Phương trình đường thẳng $y=ax+b$ ($a \neq 0$)

Câu 4: Hệ thức lượng trong tam giác vuông (1,5 điểm)

Vận dụng hệ thức cạnh và đường cao. Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Hệ thức cạnh và góc trong tam giác vuông để tính độ dài đoạn thẳng, tỉ số lượng giác của một góc, số đo góc.

Câu 5: Đường tròn (2,5 điểm)

Bài toán tổng hợp về đường tròn: Tứ giác nội tiếp, đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn, đoạn thẳng bằng nhau, góc bằng nhau, đẳng thức hình học,...

Câu 6: (1,0 điểm)

Tìm giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất.

2. Môn Ngữ văn: Gồm 02 phần, thang điểm 10, thời gian 120 phút.

Phần I. Đọc – hiểu: 5.0 điểm

Kiến thức Tiếng Việt và văn bản đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 9.

- Phần văn bản: Văn học hiện đại, trung đại.
- Phần Tiếng Việt: Trọng tâm kiến thức Tiếng Việt lớp 9.

Phần II. Làm văn: 5.0 điểm

- Nghị luận về tác phẩm hoặc đoạn trích
- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

* **Chú ý:** không ra đề văn bản đọc thêm, văn bản nhật dụng, văn bản nước ngoài và chương trình địa phương.

3. Môn Tiếng Anh: gồm 30 câu, thời gian 60 phút.

PART 1. READING COMPREHENSION. (3,5 POINTS) (10 Câu)

1. Cloze text. (1,5)

Phần này gồm 6 câu (hoặc 1 đoạn văn ngắn có 6 chỗ trống với 7 hoặc 8 từ cho sẵn. Học sinh sẽ dùng các từ cho sẵn để điền vào các chỗ trống.

2. Read the passage and write full answer. (2,0)

Phần này gồm có 4 câu: gồm các dạng câu hỏi:

- Câu 1. Complete the answer (write no more than 3 words)
- Câu 2. Complete the answer (write no more than 3 words)
- Câu 3. Write full answer
- Câu 4. Write full answer

Lưu ý: Các câu hỏi cloze text, bài đọc hiểu có thể không nằm trong SGK nhưng vẫn thuộc các chủ đề, chủ điểm mà học sinh đã học trong chương trình lớp 9 hệ 7 năm.

PART 2. USE OF ENGLISH. (3,5 POINTS) (14 Câu)

1. Put the verbs in the correct form or tense (1,5)

Phần này gồm có 6 câu, kiểm tra các điểm ngữ pháp sau:

- Simple present tense
- Simple past tense
- Simple future tense (will)
- Present perfect tense
- Modal verbs
- Gerund, infinitives

2. Complete each sentence with one suitable preposition or connective given in the box (1,25)

Phần này gồm có 5 câu, kiểm tra các điểm ngữ pháp sau:

- Prepositions of time
- Prepositions after adjectives
- Prepositions after verbs
- Connectives

3. Use the correct form of the word given in each sentence (0,75)

Phần này gồm 3 câu, học sinh dùng từ cho sẵn để viết đúng từ loại vào chỗ trống.

PART 3. WRITING. (3 POINTS) (6 Câu)

1. Rewrite the following sentences as directed (2,0)

Phần này gồm có 4 câu, kiểm tra các điểm ngữ pháp sau:

- Wish
- Passive voice (4 above tenses)
- Conditional sentences type 1,2
- Relative clause
- Suggestions

2. Make meaningful sentences from the words or phrases given. (1,0)

Phần này gồm có 2 câu. Học sinh sử dụng các gợi ý cho sẵn để viết thành câu có nghĩa.
(Học sinh có thể phải chia động từ, sử dụng thêm giới từ, mạo từ....)

---HẾT---

(Kèm theo Công văn số: 874 /SGDDT-KTQLCL ngày 08 tháng 4 năm 2021)

(mặt trước)

HUYỆN :

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC

1. Họ và tên học sinh :2. Ngày, tháng, năm sinh :

3. Giới tính (Nam/ nữ) :..... 4. Nơi sinh :.....

5. Xin dự tuyển, tuyển sinh vào lớp 10 trường: Nguyên vọng 1:.....

Nguyên vọng 2: Nguyên vọng 3:

6. Học sinh thuộc diện ưu tiên, (Điều 4 QĐ246/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2018 của Sở GD&ĐT)

Chế độ ưu tiên	
Đối tượng	Điểm cộng
1	
2	
3	
Tổng điểm:	

7. Chọn ban: Ban KHTN, Ban KHXX, Ban cơ bản: Nguyên vọng 1: ..., Nguyên vọng 2:

Phụ huynh học sinh đồng ý với
con em mình dự tuyển vào lớp
10 trường và ban như trên.

Chữ ký của thí sinh

Xác nhận của trường

....., ngày tháng....năm ...

Chữ ký của phụ huynh học sinh

Chữ ký của GVCN

X-----

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG THI:.....

PHIẾU DỰ THI

SỐ BÁO DANH:.....

PHÒNG THI :.....

Ảnh (3cmx4cm)

(đóng dấu
giáp lại)

Họ và tên thí sinh :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Học sinh trường:, huyện:

thí sinh có mặt tại hội đồng thi vào lúc ngày ... tháng năm
để dự thi.

....., ngày tháng....năm

Trưởng điểm thi

(Mặt sau)

HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH ĐIỀU KIỆN TUYỂN THĂNG VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM ƯU TIÊN

1. Tuyển thăng vào trung học phổ thông: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 1 Thông tư 05/2018/TT-BGDĐT: a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; b) Học sinh là người dân tộc rất ít người; c) Học sinh khuyết tật; d) Học sinh đạt giải cấp quốc gia trở và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

2. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên. (Trích khoản 2 Điều 7 Điều Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT)

a) Nhóm đối tượng 1: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

b) Nhóm đối tượng 2: (Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; - Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Nhóm đối tượng 3: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số; Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Mức điểm cộng thêm cho từng loại đối tượng theo thang điểm 10: (Trích điểm b, khoản 2, Điều 4 của Quyết định số 246/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2018 về việc Ban hành quy định tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT)

- Nhóm đối tượng 1: cộng 2,0 điểm;
- Nhóm đối tượng 2: cộng 1,5 điểm;
- Nhóm đối tượng 3: cộng 1,0 điểm.